

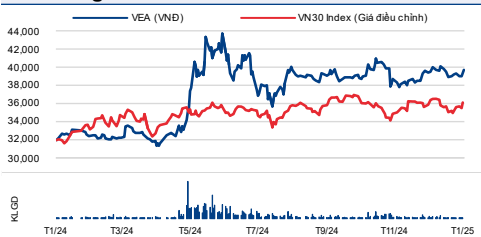
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ51,500
 Tiềm năng tăng/giảm: 29.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	39,700
Mã Bloomberg	VEA.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,339-43,680
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	39,180
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	52,753
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,104
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,329
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	651
Slg CP NN được mua (tr.đv)	582
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.20%
Tỷ lệ freefloat	11.5%
Cổ đông lớn	Bộ Công Thương (88.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,806	3,997	4,077
EBITDA đc (tỷ đồng)	5,649	6,355	6,782
LNTT (tỷ đồng)	6,517	6,922	7,258
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,191	6,553	6,872
FCF (tỷ đồng)	31.4	1,358	277
EPS ĐC (đồng)	4,659	4,932	5,171
DPS (đồng)	5,035	4,390	4,639
BVPS (đồng)	19,363	19,310	20,145
T.trưởng EBITDA (%)	(22.1)	12.5	6.71
T.trưởng EPS ĐC (%)	(18.4)	6.21	4.86
Tăng trưởng DPS (%)	20.3	(12.8)	5.67
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	148	159	166
Tỷ suất LNTT (%)	171	173	178
Tỷ suất LNT ĐC (%)	163	165	169
Tỷ lệ LN trả CT (%)	108	88.6	89.3
Nợ thuần/VCSH (%)	(0.77)	(3.81)	(6.94)
ROAE (%)	24.3	25.6	26.3
ROACE (%)	21.1	23.7	24.8
EV/doanh thu (lần)	30.0	28.4	27.6
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.2	17.9	16.6
P/E ĐC (lần)	8.52	8.05	7.68
P/B (lần)	2.05	2.06	1.97
Lợi suất cổ tức (%)	12.7	11.1	11.7

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VEAM nắm cổ phần tại các liên doanh hàng đầu về sản xuất ô tô và xe máy tại Việt Nam (Honda, Toyota và Ford) và sản xuất máy nông nghiệp

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
 +84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Lợi nhuận thuần tăng 59% so với cùng kỳ, vượt mạnh dự báo

- KQKD Q4/2024 của VEA tích cực với lợi nhuận thuần đạt 2.486 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ (và 50% so với quý trước), và vượt 45% dự báo của HSC nhờ lợi nhuận từ các liên doanh tăng mạnh. Lợi nhuận đóng góp từ các liên doanh đạt 2.541 tỷ đồng trong quý (tăng 47% so với cùng kỳ và 58% so với quý trước), dẫn dắt bởi Honda, với lợi nhuận thuần theo quý cao kỷ lục đạt 2.075 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ và 53% so với quý trước).
- Theo đó, lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 7.357 tỷ đồng, tăng trưởng 18% và đạt 112% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 51.500đ (tiềm năng tăng giá 30%). Lưu ý, kết quả này cho thấy cổ tức tiền mặt năm 2024 là 4.656đ, tương đương lợi suất cổ tức 11,7%.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

Trong Q4/2024, lợi nhuận thuần tăng mạnh 59% so với cùng kỳ (và 50% so với quý trước) đạt 2.486 tỷ đồng, vượt 45% so với dự báo của HSC. Kết quả này chủ yếu nhờ lợi nhuận đóng góp mạnh mẽ từ các liên doanh, đạt 2.541 tỷ đồng trong quý (tăng 47% so với cùng kỳ và 58% so với quý trước), bù đắp cho sự sụt giảm 37% so với cùng kỳ (tăng 5% so với quý trước) trong lợi nhuận tài chính xuống 210 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần năm 2024 theo đó đạt 7.357 tỷ đồng, tăng trưởng 18% và vượt 12% so với dự báo của chúng tôi.

Lợi nhuận từ các liên doanh tăng mạnh, dẫn dắt bởi Honda

Lợi nhuận từ các liên doanh tăng mạnh 47% so với cùng kỳ và 58% so với quý trước, dẫn dắt bởi Honda. Cụ thể:

- Lợi nhuận đóng góp từ Honda (VEA sở hữu 30% cổ phần) tăng mạnh 42% so với cùng kỳ và 53% so với quý trước lên mức cao kỷ lục theo quý là 2.075 tỷ đồng. Trong Q4/2024, sản lượng tiêu thụ xe máy Honda tăng 10% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước đạt 634.335 chiếc, trong khi sản lượng tiêu thụ ô tô tăng 22% so với cùng kỳ và 48% so với quý trước đạt 10.613 chiếc.

Mặc dù sản lượng tiêu thụ của Honda trong Q4/2024 không đạt mức cao kỷ lục nhưng tỷ suất lợi nhuận trong quý lại tích cực do cơ cấu sản phẩm xe máy tốt hơn, với tỷ trọng xe tay ga tăng lên, tạo ra tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với xe số.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, VEA

Lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 2.486 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ (và 50% so với quý trước), và vượt 45% dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	1,607	2,364	47.1%	57.6%	5,639	6,730	19.4%	109.4%
Thu nhập tài chính thuần	333	210	-36.9%	4.9%	1,261	852	-32.4%	
Lợi nhuận thuần	1,560	2,486	59.4%	50.5%	6,234	7,357	18.0%	111.7%

Nguồn: VEA, HSC

- Lợi nhuận đóng góp từ Toyota (VEA sở hữu 20% cổ phần) tăng 3% so với cùng kỳ nhưng giảm 15% so với quý trước xuống 76 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ ô tô Toyota trong kỳ tăng 37% so với cùng kỳ và 44% so với quý trước đạt 18.492 chiếc.
- Lợi nhuận đóng góp từ Ford (VEA sở hữu 25% cổ phần thông qua công ty con 100% vốn sở hữu Diesel Sông Công (chưa niêm yết)) và các công ty khác tăng gấp 2,1 lần so với cùng kỳ và gấp 2,7 lần so với quý trước đạt 213 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ ô tô của Ford trong Q4/2024 tăng 19% so với cùng kỳ và 36% so với quý trước đạt 14.137 chiếc.

Lợi nhuận tài chính giảm 37% so với cùng kỳ

Trong Q4/2024, lợi nhuận tài chính giảm 37% so với cùng kỳ (tăng 5% so với quý trước) xuống 210 tỷ đồng, do mặt bằng lãi suất tiền gửi giảm. Tính đến cuối năm 2024, số dư đầu tư ngắn hạn (bao gồm tiền gửi ngân hàng) là 12 nghìn tỷ đồng (so với 11,9 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2023).

Lợi nhuận thuần của công ty mẹ cũng vượt dự báo

Trong năm 2024, lợi nhuận thuần của công ty mẹ VEA – với HĐKD cốt lõi là sản xuất máy móc nông nghiệp và xe tải – đạt 6.256 tỷ đồng, giảm 7% nhưng vượt 6% so với dự báo của HSC. Trên cơ sở này và giả định tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức là 99% (tương tự như những năm trước vì Công ty không có nhu cầu vốn đầu tư mới), chúng tôi ước tính cổ tức tiền mặt năm 2024 sẽ là 4.656đ, tương đương lợi suất cổ tức 11,7% tại thị giá hiện tại. Con số này cao hơn so với ước tính hiện tại của chúng tôi là 4.390đ do lợi nhuận năm 2024 vượt dự báo.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu, dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 51.500đ (tiềm năng tăng giá 30%). Cho năm 2025, chúng tôi hiện dự báo lợi nhuận thuần đạt 6.906 tỷ đồng (giảm 6%). VEA đang giao dịch với P/E là 7,7 lần, rẻ so với bình quân từ năm 2019 ở mức 9,0 lần.t.

Bảng 2: Lợi nhuận đóng góp từ các công ty liên doanh, VEA

Lợi nhuận từ các liên doanh tăng mạnh 47% so với cùng kỳ và 58% so với quý trước lên 2.364 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi Honda

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Lợi nhuận từ liên doanh	1,607	1,500	2,364	47.1%	57.6%	5,639	6,730	19.4%
Honda	1,466	1,354	2,075	41.6%	53.2%	4,916	6,095	24.0%
Toyota	74	89	76	3.3%	-14.5%	332	230	-30.7%
Ford & Cty khác	68	57	213	213.1%	272.1%	391	405	3.6%
Tỷ trọng								
Honda	91.2%	90.3%	87.8%			87.2%	90.6%	
Toyota	4.6%	5.9%	3.2%			5.9%	3.4%	
Ford & Cty khác	4.2%	3.8%	9.0%			6.9%	6.0%	

Nguồn: VEA

Bảng 3: Doanh số bán hàng trong Q4/2024 của các công ty liên doanh với VEA

Trong Q4/2024, sản lượng tiêu thụ xe máy Honda tăng 10% so với cùng kỳ (và 14% so với quý trước) trong khi tổng doanh số của các liên doanh tăng 28% so với cùng kỳ (và 42% so với quý trước)

Xe	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Xe máy	578,712	554,805	634,335	9.6%	14.3%	2,088,557	2,147,025	2.8%
Honda	578,712	554,805	634,335	9.6%	14.3%	2,088,557	2,147,025	2.8%
Ô tô	40,045	36,052	51,361	28.3%	42.5%	121,333	132,891	9.5%
Toyota	19,475	18,492	26,611	36.6%	43.9%	59,207	67,691	14.3%
Honda	8,732	7,173	10,613	21.5%	48.0%	23,802	28,277	18.8%
Ford	11,838	10,387	14,137	19.4%	36.1%	38,324	42,175	10.0%

Nguồn: VAMA, Honda

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,747	3,806	3,997	4,077	4,199
Lợi nhuận gộp	651	448	500	510	504
Chi phí BH&QL	(667)	(697)	(560)	(571)	(588)
Thu nhập khác	6,985	5,640	6,154	6,576	6,987
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,969	5,391	6,094	6,515	6,903
Lãi vay thuần	795	1,150	819	734	690
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	79.3	(23.8)	9.25	9.44	9.72
LNTT	7,844	6,517	6,922	7,258	7,603
Chi phí thuế TNDN	(179)	(252)	(268)	(281)	(294)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(70.1)	(64.1)	(68.1)	(71.4)	(74.8)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,595	6,201	6,586	6,906	7,234
Lợi nhuận thuần ĐC	7,586	6,191	6,553	6,872	7,198
EBITDA ĐC	7,254	5,649	6,355	6,782	7,175
EPS (đồng)	5,716	4,667	4,956	5,197	5,444
EPS ĐC (đồng)	5,709	4,659	4,932	5,171	5,417
DPS (đồng)	4,187	5,035	4,390	4,639	4,920
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,329	1,329	1,329	1,329	1,329

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	297	358	1,145	2,028	2,713
Đầu tư ngắn hạn	12,588	12,888	11,990	12,230	12,597
Phải thu khách hàng	3,622	4,466	4,689	4,783	4,926
Hàng tồn kho	1,541	1,284	1,337	1,364	1,413
Các tài sản ngắn hạn khác	146	154	161	165	170
Tổng tài sản ngắn hạn	18,195	19,150	19,322	20,570	21,818
TSCĐ hữu hình	1,659	1,519	1,369	1,215	1,058
TSCĐ vô hình	73.6	71.9	81.9	92.8	105
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	510	564	480	489	504
Đầu tư vào Cty LD,LK	6,896	5,720	5,719	5,719	5,719
Tài sản dài hạn khác	111	112	118	123	129
Tổng tài sản dài hạn	9,250	7,987	7,767	7,639	7,515
Tổng cộng tài sản	27,445	27,136	27,089	28,209	29,333
Nợ ngắn hạn	1,014	143	149	152	157
Phải trả người bán	386	334	351	358	369
Nợ ngắn hạn khác	663	692	692	692	692
Tổng nợ ngắn hạn	2,166	1,350	1,372	1,382	1,399
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	43.7	43.6	43.6	43.6	43.6
Nợ dài hạn khác	11.7	13.6	13.6	13.6	13.6
Tổng nợ dài hạn	55.4	57.2	57.2	57.2	57.2
Tổng nợ phải trả	2,222	1,407	1,430	1,440	1,456
Vốn chủ sở hữu	25,223	25,729	25,660	26,769	27,877
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	25,223	25,729	25,660	26,769	27,877
Tổng nợ phải trả và VCSH	27,445	27,136	27,089	28,209	29,333
BVPS (đ)	18,982	19,363	19,310	20,145	20,979
Nợ thuần/(tiền mặt)	717	(216)	(996)	(1,877)	(2,556)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,969	5,391	6,094	6,515	6,903
Khấu hao	(284)	(258)	(261)	(267)	(272)
Lãi vay thuần	795	1,150	819	734	690
Thuế TNDN đã nộp	(152)	(183)	(268)	(281)	(294)
Thay đổi vốn lưu động	(77.3)	168	630	(357)	(554)
Khác	(108)	(138)	0	0	0
LCT thuần từ HKKD	93.1	31.4	1,358	277	3.66
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(123)	(102)	(125)	(129)	(133)
Thanh lý	0.62	0	0	0	0
Khác	5,277	6,602	6,238	6,567	6,972
LCT thuần từ HĐĐT	5,154	6,500	6,113	6,438	6,840
Cổ tức trả cho CSH	(5,997)	(5,600)	(6,691)	(5,834)	(6,164)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	767	(871)	5.90	2.97	5.44
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(5,230)	(6,471)	(6,685)	(5,831)	(6,159)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	280	297	358	1,145	2,028
LCT thuần trong kỳ	17.2	60.6	786	884	685
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.98	0.36	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	298	358	1,145	2,028	2,713
Dòng tiền tự do	93.1	31.4	1,358	277	3.66

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.7	11.8	12.5	12.5	12.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	153	148	159	166	171
Tỷ suất LNT (%)	160	163	165	169	172
Thuế TNDN hiện hành (%)	2.28	3.87	3.87	3.87	3.87
Tăng trưởng doanh thu (%)	18.1	(19.8)	5.00	2.00	3.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	30.7	(22.1)	12.5	6.71	5.80
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	32.1	(18.4)	5.84	4.86	4.74
Tăng trưởng EPS (%)	32.1	(18.4)	6.21	4.86	4.74
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	32.1	(18.4)	5.84	4.86	4.74
Tăng trưởng DPS (%)	(6.83)	20.3	(12.8)	5.67	6.06
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	73.3	108	88.6	89.3	90.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	31.1	24.3	25.6	26.3	26.5
ROACE (%)	28.4	21.1	23.7	24.8	25.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.18	0.14	0.15	0.15	0.15
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.01	0.01	0.22	0.04	0.00
Số ngày tồn kho	137	140	140	140	140
Số ngày phải thu	323	485	489	489	487
Số ngày phải trả	34.4	36.3	36.7	36.7	36.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	2.94	(0.77)	(3.81)	(6.94)	(9.10)
Nợ/tài sản (%)	3.78	0.59	0.62	0.60	0.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.14	0.03	0.03	0.03	0.02
Chỉ số TT hiện thời (lần)	8.40	14.2	14.1	14.9	15.6
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	24.3	30.0	28.4	27.6	26.7
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.9	20.2	17.9	16.6	15.6
P/E (lần)	6.95	8.51	8.01	7.64	7.29
P/E ĐC (lần)	6.95	8.52	8.05	7.68	7.33
P/B (lần)	2.09	2.05	2.06	1.97	1.89
Lợi suất cổ tức (%)	10.5	12.7	11.1	11.7	12.4

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn